TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 24/2020/HS - PT.
Ngày: 19 - 02 - 2020.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Gia Lương.

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Nhiên.

Bà Nguyễn Thị Kim Dung.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Dương Chí Dũng - Thẩm tra viên,Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Diễm Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 19/02/2020, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 02/2020/TLPT-HS ngày 02/01/2020, đối với bị cáo Trần Văn H, do có kháng cáo của bị Trần Văn H đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 91/2019/HS-ST ngày 28/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Văn H**, sinh năm 1997; Tên gọi khác: Không.

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: thôn T, xã T, huyện L, tỉnh B.

Dân tộc: Sán Dìu; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 9/12; Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không.

Con ông: Trần Phúc T, sinh năm 1971.

Con bà: Từ Thị T1, sinh năm 1974.

Vợ, con: Chưa có.

Tiền sự: Không.

Tiền án: Tại Bản án số 07/2017/HS-ST ngày 22/02/2017 của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn tỉnh Bắc Giang xử phạt Trần Văn H 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản và 15 tháng tù về tội Cướp tài sản. Tổng hợp hình phạt buộc H phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 27 tháng tù, thời hạn tù tính kể từ ngày 22/9/2016. Ngày 22/9/2018, H chấp hành xong hình phạt tù. Tính đến thời điểm phạm tội này bị cáo chưa được xóa án tích.

Nhân thân:

Tại Bản án số 01/2015/HSST ngày 13/01/2015 của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn xử phạt Trần Văn H 08 tháng tù về tội Cướp giật tài sản, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 11/8/2014, H đã chấp hành xong hình phạt tù. Do bản án này H phạm tội khi chưa thành niên nên không được coi là có án tích.

Sau khi thực hiện hành vi phạm tội nêu trên, ngày 24/8/2019 và ngày 26/8/2019 H tiếp tục thực hiện hành vi Trộm cắp tài sản và Lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa bàn huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Ngày 30/8/2019 và 01/10/2019 Trần Văn H đã bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Nam khởi tố bị can về tội Trộm cắp tài sản và tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại Điều 173 và Điều 174 Bộ luật hình sự.

Bị cáo hiện đang bị tạm giam theo Lệnh tạm giam số 38 ngày 30/8/2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang (Có mặt tại phiên toà).

Trong vụ án còn có 01 người bị hại và 05 người có quyền nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên cấp phúc thẩm không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Buổi sáng ngày 03/8/2019 anh Dương Kim Đ, sinh năm 2001 trú tại thôn N, xã P, huyện L, tỉnh B điều khiển xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe Wave, mầu sơn Trắng - Đen - Bạc, biển số: 98E1-638.40 (xe mô tô là của anh Dương Kim N sinh năm 1997 là anh trai ruột của anh Đ) để đi sang tỉnh Quảng Ninh đón mẹ đẻ. Anh Đ đi theo đường đi xã Tân Mộc sang huyện Lục Nam để đi Quảng Ninh. Khoảng 10 giờ cùng ngày, anh Đ đi đến thôn Nam Điện, xã Nam Dương, huyện Lục Ngạn thì gặp Trần Văn H, sinh năm 1997 trú tại thôn Tân Mộc, xã Tân Mộc, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang hỏi đi nhờ về xã Tân Mộc, anh Đ đồng ý. Khi anh Đ chở H đi đến đoạn đường ngầm do nước to không qua được nên anh Đ chở H quay lại nên H đã nhờ anh Đ chở đi ra thị trấn Chũ. Khi đến khu vực cổng chợ Chũ, H vay anh Đ 100.000 đồng và bảo anh Đ đứng chờ để H đi trả nợ. H đi một lúc rồi quay lại và bảo anh Đ chở về nhà H để lấy tiền trả cho anh Đ. Khi về đến nhà H nhưng không thấy có ai ở nhà nên H bảo với anh Đ cho H mượn xe mô tô để đi đón bố của H về lấy tiền trả cho anh Đ và bảo anh Đ cứ ngồi chờ ở nhà H. Sau đó H đi xe mô tô của anh Đ đi tìm bố nhưng không gặp nên quay về nhà nói với anh Đ là không tìm được bố rồi tiếp tục bảo anh Đ

ngồi chờ để H mượn xe mô tô đi sang nhà bác lấy tiền trả anh Đ, anh Đ đồng ý. Sau khi mượn được xe mô tô của anh Đ, H đã nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe nên đã điều khiển xe đi theo hướng ra thị trấn Chũ để tìm chỗ cầm cố xe lấy tiền chi tiêu sài cá nhân. Khi H điều khiển xe đi đến thôn Tân Thành, xã Tân Mộc, huyện Lục Ngạn thì gặp bạn là anh Leo Văn H1, sinh năm 1998 trú tại thôn T, xã T, huyện L, H hỏi anh H1 có chỗ nào cầm cố xe mô tô không. Anh H1 có hỏi H là xe ở đâu, H trả lời là xe của H. Sau đó anh H1 đi xe mô tô của mình dẫn H đến quán sửa chữa xe máy của anh Dương Văn H2, sinh năm 1978 ở thôn N, xã N, huyện L để cầm cố xe. Khi đến quán chỉ có chị Phạm Thị M, sinh năm 1979 là vợ của anh H2 đang ở đó nên H đã nhờ anh H1 gọi điện thoại cho anh H2 để H nói chuyện với anh H2. Trên điện thoại H và anh H2 đã thỏa thuận về việc H cầm cố chiếc xe mô tô cho anh H2 với số tiền là 4.000.000 đồng. Sau khi thỏa thuận xong, anh H2 điện thoại bảo chị M trả trước cho H 2.000.000 đồng, còn 2.000.000 đồng anh H2 hẹn H hôm sau quay lại lấy. Sau đó chị M đưa cho H số tiền 2.000.000 đồng, H để lại chiếc xe mô tô rồi cùng anh H1 ra thị trấn Chũ thuê nhà nghỉ ngủ và sử dụng số tiền cắm xe tiêu sài cá nhân. Đến sáng ngày 04/8/2019, H đưa cho anh H1 số tiền 30.000 đồng để anh H1 đổ xăng đi về nhà, còn H ở lại nhà nghỉ. Buổi trưa cùng ngày H gọi điện thoại cho anh H1 ra đón đưa H về nhà anh H2 lấy nốt số tiền 2.000.000 đồng. Sau khi lấy được số tiền 2.000.000 đồng, H đã đưa cho anh H1 200.000 đồng để anh H1 đi chuộc lại chiếc điện thoại của anh H1 đã cho H mượn đem đi cắm thời gian trước đó, số tiền còn lại H đã sử dụng tiêu sài cá nhân hết.

Khoảng 02 đến 03 ngày sau H có gọi điện thoại cho anh H1 nói chiếc xe mô tô cầm cố cho anh H2 là do H phạm tội mà có và bảo anh H1 ra nhà anh H2 xin lại biển số xe và đem vất đi. Sau đó anh H1 đã đến nhà anh H2 bảo anh H2 cho mượn lại biển số xe mô tô nên anh H2 đã tháo biển số xe ra đưa cho anh H1. Anh H1 đã đem chiếc biển số xe mô tô ra nhánh sông Lục Nam thuộc thôn Tân Thành, xã Tân Mộc, Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang vứt xuống sông. Còn chiếc xe mô tô sau đó anh H2 đã bán cho anh Mai Văn T2, sinh năm 1982 trú tại thôn N, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang với giá 4.000.000 đồng, anh T2 đã sử dụng chiếc xe mô tô để đi lại.

Ngày 27/8/2019 anh Dương Kim Đ đã có đơn trình báo Công an huyện Lục Ngạn về việc bị H chiếm đoạt chiếc xe mô tô trên.

Sau khi được biết chiếc xe mô tô đã mua của anh Dương Văn H2 là xe do người khác phạm tội mà có nên ngày 28/8/2019 anh T2 đã tự giác giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Ngạn để phục vụ công tác điều tra.

Ngày 03/9/2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Ngạn đã ra quyết định trưng cầu định giá tài sản đối với tài sản là chiếc xe mô tô của anh Dương Kim Đ

đã bị Trần Văn H chiếm đoạt. Tại bản Kết luận định giá tài sản số 138/KL-HĐ ngày 09/9/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Lục Ngạn kết luận: chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu sơn trắng - đen - bạc, biển số 98E1-638.40 có giá trị ở thời điểm bị chiếm đoạt là 14.800.000đồng.

Tại bản Cáo trạng số 99/KSĐT ngày 11 tháng 11 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn đã truy tố bị cáo Trần Văn H về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự;

Bản án hình sự sơ thẩm số: 91/2019/HS-ST ngày 28/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Trần Văn H phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 38 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Trần Văn H 02 năm tù, Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án hành án. Miễn phạt tiền cho bị cáo.

Ngoài ra bản án còn tuyên về trách nhiệm bồi thường dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, lãi suất chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 09/12/2019 bị cáo Trần Văn H nộp đơn kháng cáo với nội dung đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên toà phúc thẩm bị cáo Trần Văn H thay đổi nội dung kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử huỷ bản án sơ thẩm để điều tra lại một số nội dung mà Điều tra viên cơ quan cảnh sát điều tra ghi lời khai của bị cáo không đúng như trước khi cầm cố xe cho anh H2, bị cáo có nói với anh H2 là chiếc xe bị cáo phạm tội mà có, bị cáo không nói với anh H1 đến nhà anh H2 lấy biển số xe vứt đi. Bị cáo thừa nhận tại cơ quan Điều tra, bị cáo không bị ép cung, mớm cung, nhục hình. Các biên bản cơ quan Điều tra làm việc với bị cáo đều được Điều tra viên đọc lại cho bị cáo nghe và bị cáo đều ký tên xác nhận. Bị cáo ký các biên bản trong tình trạng minh mẫn, tỉnh táo, bị cáo không bị bệnh tâm thần. Tuy nhiên tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo không có chứng cứ gì chứng minh cho nội dung kháng cáo trên.

Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang thực hành quyền công tố tại phiên toà, sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do bị cáo gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, đưa ra đề nghị xem xét các vấn đề kháng cáo mà bị cáo nêu ra đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Văn H, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Bị cáo Trần Văn H phải chiu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo bị cáo Trần Văn H không tranh luận gì. tranh luận:

Bị cáo bị cáo Trần Văn H nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị cáo Trần Văn H đã được làm trong thời hạn kháng cáo và gửi đến Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự nên được coi là đơn kháng cáo hợp pháp. HĐXX chấp nhận xem xét giải quyết đơn kháng cáo của bị cáo theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo Trần Văn H thì thấy: Khoảng 14 giờ ngày 03/8/2019, tại thôn Tân Mộc, xã Tân Mộc, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang, Trần Văn H đã có hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave biển số 98E1 - 638.40, trị giá 14.800.000 đồng của anh Dương Kim N sau đó mang cầm cố lấy tiền tiêu sài cá nhân.

Như vậy hành vi của bị cáo Trần Văn H đã đủ yếu tố cấu thành tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản", theo khoản 1 Điều 175; của Bộ luật Hình sự năm 2015. Từ những nội dung trên án sơ thẩm xét xử bị cáo Trần Văn H về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản", là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai.

[3] Xét nội dung kháng cáo của bị cáo Trần Văn H thấy: Tại phiên tòa, bị cáo thay đổi nội dung kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử huỷ án sơ thẩm để điều tra lại. Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình nhưng cho rằng Điều tra viên của cơ quan Điều tra ghi lời khai của bị cáo không chính xácdo vậy Toà sơ thẩm xử phạt bị cáo với mức án là 02 năm tù là nặng. Cụ thể tại cơ quan Điều tra bị cáo khai rõ khi cầm cố xe Mô tô cho anh H2 bị cáo nói rõ là xe máy do phạm tội mà có. Bị cáo không nói với anh H1 là đến nhà anh H2 lấy chiếc biển số xe máy vứt đi. Các lời khai của bị cáo tại cơ quan Điều tra bị cáo khai nhận bị cáo không bị Điều tra viên mớm cung, ép cung, nhục hình. Các lời khai đều được Điều tra viên đọc lại cho bị cáo nghe và ký tên xác nhận, việc bị cáo ký vào các biên bản làm việc với Điều tra viên hoàn toàn tỉnh táo, minh mẫn. Tại phiên toà phúc thẩm bị cáo không được các chứng cứ chứng minh, do vậy, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo được.

Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: Án sơ thẩm xác định bị cáo đã có tiền án chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội, nên bị cáo bị áp

dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, là có căn cứ.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Án sơ thẩm xác định trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, là có căn cứ.

Hành vi phạm tội của bị cáo Trần Văn H là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản được pháp luật bảo vệ. Chỉ vì lợi ích trước mắt bị cáo đã lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân. Do vậy cần phải xử nghiêm bị cáo bằng pháp luật hình sự mới đảm bảo tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Việc truy tố, xét xử bị cáo về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản", theo khoản 1 Điều 175; của Bộ luật Hình sự năm 2015, là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Án sơ thẩm xử phạt bị cáo H với mức án 02 (Hai) năm tù là tương xứng với hành vi phạm tội, không nặng đối với các bị cáo.

Tại quá trình xét xử phúc thẩm, bị cáo không xuất trình được các tình tiết gì mới, do vậy không có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét đối với kháng cáo đề nghị huỷ bản án sơ thẩm để điều tra lại của bị cáo được, cần giữ nguyên án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà là có căn cứ.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị cáo Trần Văn H không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

[5] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự.

[1]. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Văn H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuyên bố bị cáo Trần Văn H phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 38 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Trần Văn H 02 (Hai) năm tù, Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

[2]. Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Trần Văn H phải chịu 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự phúc thẩm.

[3]. Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- CA-VKS-TA-CCTHADS sơ thẩm;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, HCTP;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Gia Lương